

**EY**

**Building a better  
working world**



# **Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai**

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2018



# Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

## **NỘI DUNG**

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Giám đốc	3
Báo cáo soát xét thông tin tài chính tổng hợp giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ	11 - 61

# Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 3903000083, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp ngày 1 tháng 6 năm 2006 và theo ba mươi (30) GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCK HCM") với mã HAG theo Quyết định số 124/QĐ-SGDHCM do SGDCK HCM cấp ngày 15 tháng 12 năm 2008.

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty có mười (10) công ty con trực tiếp, hai mươi chín (29) công ty con gián tiếp, một (1) công ty liên kết và năm (5) chi nhánh.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là kinh doanh vật tư và máy móc thiết bị ngành trồng trọt và chăn nuôi; dịch vụ nông nghiệp; phát triển căn hộ để bán và cho thuê; xây dựng; cơ khí; kinh doanh khách sạn và khu nghỉ dưỡng; các hoạt động về thể thao và giải trí và sản xuất và kinh doanh thức ăn gia súc, phân bón.

Công ty có trụ sở chính tại số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch
Ông Võ Trường Sơn	Thành viên
Bà Võ Thị Huyền Lan	Thành viên
Ông Đoàn Nguyên Thu	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Minh	Thành viên
Ông Phan Thanh Thủ	Thành viên
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên

### BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	
Bà Đỗ Trần Thùy Trang	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 18 tháng 7 năm 2018
Bà Trương Thị Kim Ánh	Trưởng ban	từ nhiệm ngày 18 tháng 7 năm 2018
Bà Nguyễn Thị Huyền	Thành viên	
Ông Nguyễn Tấn Anh	Thành viên	

# Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## **BAN GIÁM ĐỐC**

Thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>
Ông Võ Trường Sơn	Tổng Giám đốc
Ông Đoàn Nguyên Thu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Minh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Hồ Thị Kim Chi	Phó Tổng Giám đốc

## **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Võ Trường Sơn.

## **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") trình bày báo cáo này là báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ kỳ kế toán tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 13. Công ty lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

Người sử dụng báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cần đọc báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã đề cập trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.



Võ Trường Sơn  
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2018

Số tham chiếu: 60752790/20263458-LR

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Quý Cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") được lập ngày 29 tháng 8 năm 2018 và được trình bày từ trang 6 đến trang 61 bao gồm bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Giám đốc***

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ**

Như được trình bày tại Thuyết minh số 27.3 của báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo, tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty đã ghi nhận khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn khác từ Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú và các bên liên quan của công ty này với tổng giá trị là 7.718.688.404 ngàn VND. Dựa trên các thông tin hiện có, chúng tôi đã không thể thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để xác định khả năng thu hồi của tổng số dư 1.992.356.114 ngàn VND bao gồm trong tổng số dư trên. Theo đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các khoản mục nói trên hay không và các ảnh hưởng nếu có đến báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

### **Kết luận ngoại trừ**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoài ảnh hưởng có thể có của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ", chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

### **Các vấn đề cần nhấn mạnh**

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm đã được lập với giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty đã vi phạm một số điều khoản của các khoản trái phiếu như được trình bày tại các Thuyết minh số 20.3 của báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn 1.085.490.734 ngàn VND. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Ngoài ra, chúng tôi cũng xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.2 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018. Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

Kết luận ngoại trừ của chúng tôi về công tác soát xét báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không liên quan đến các vấn đề cần nhấn mạnh này.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



CÔNG TY  
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN  
ERNST & YOUNG  
VIỆT NAM

Lê Văn Trường

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán

Số: 1588-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2018



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ  
ngày 30 tháng 6 năm 2018


Ngàn VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>2.265.627.496</b>	<b>5.288.884.188</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền</b>		<b>41.583.578</b>	<b>13.297.086</b>
111	1. Tiền	4	41.583.578	13.297.086
<b>130</b>	<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>2.124.369.565</b>	<b>5.160.712.956</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	96.558.518	250.622.228
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	17.435.955	49.349.094
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	1.129.966.891	3.382.257.494
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	903.184.112	1.485.378.178
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(22.775.911)	(6.894.038)
<b>140</b>	<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>9</b>	<b>89.823.547</b>	<b>106.757.513</b>
141	1. Hàng tồn kho		98.078.177	115.012.143
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(8.254.630)	(8.254.630)
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>9.850.806</b>	<b>8.116.633</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		992.141	551.908
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		7.576.104	7.545.300
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		1.282.561	19.425
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>24.814.889.205</b>	<b>21.976.856.200</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>11.976.607.510</b>	<b>11.530.988.766</b>
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	7	11.039.889.593	10.256.783.507
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	936.717.917	1.274.205.259
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>256.204.767</b>	<b>253.492.301</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	226.355.345	222.907.067
222	Nguyên giá		348.321.054	337.255.566
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(121.965.709)	(114.348.499)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	29.849.422	30.585.234
228	Nguyên giá		40.450.152	40.450.152
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(10.600.730)	(9.864.918)
<b>230</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>12</b>	<b>37.724.520</b>	<b>38.344.237</b>
231	1. Nguyên giá		42.073.202	42.073.202
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(4.348.682)	(3.728.965)
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>9.583.389</b>	<b>9.583.389</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		9.583.389	9.583.389
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>13</b>	<b>12.519.665.522</b>	<b>10.130.729.229</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		13.189.379.853	10.714.783.853
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		5.000.000	5.000.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		7.360.041	7.360.041
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(682.074.372)	(596.414.665)
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>15.103.497</b>	<b>13.718.278</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	13.489.272	13.718.278
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	26.3	1.614.225	-
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>27.080.516.701</b>	<b>27.265.740.388</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
ngày 30 tháng 6 năm 2018

Ngàn VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>14.134.555.880</b>	<b>14.361.475.686</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>3.351.118.230</b>	<b>3.018.884.761</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	64.862.141	107.875.868
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	250.830.900	426.361.574
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	64.075.588	61.262.589
314	4. Phải trả người lao động		14.337.104	9.628.044
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	454.039.578	145.805.941
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	19	1.883.017.738	1.928.010.284
320	7. Vay ngắn hạn	20	619.408.593	339.381.873
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		546.588	558.588
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>10.783.437.650</b>	<b>11.342.590.925</b>
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	18	1.076.915.146	948.576.222
337	2. Phải trả dài hạn khác	19	220.786.783	-
338	3. Vay dài hạn	20	9.480.092.200	10.381.774.860
341	4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	26.3	-	6.596.322
342	5. Dự phòng phải trả dài hạn		5.643.521	5.643.521
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>12.945.960.821</b>	<b>12.904.264.702</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>21.1</b>	<b>12.945.960.821</b>	<b>12.904.264.702</b>
411	1. Vốn cổ phần		9.274.679.470	9.274.679.470
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		9.274.679.470	9.274.679.470
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		3.263.858.784	3.263.858.784
415	3. Cổ phiếu quỹ		(686.640)	(686.640)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		279.895.303	279.895.303
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		128.213.904	86.517.785
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		86.517.785	561.569.778
421b	- Lợi nhuận (lỗ) sau thuế chưa phân phối trong kỳ		41.696.119	(475.051.993)
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>27.080.516.701</b>	<b>27.265.740.388</b>

  
Nguyễn Văn Tiên  
Người lập

  
Lê Trương Ý Trâm  
Kế toán trưởng

  
Võ Trường Sơn  
Tổng Giám đốc



Ngày 29 tháng 8 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	63.705.500	170.135.106
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	23	(59.252.149)	(141.246.201)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		4.453.351	28.888.905
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	786.240.617	580.931.656
22	5. Chi phí tài chính	24	(634.627.837)	(467.769.246)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(539.516.740)	(464.275.564)
25	6. Chi phí bán hàng	25	(1.005.247)	(3.503.085)
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(118.919.196)	(39.518.564)
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		36.141.688	99.029.666
31	9. Thu nhập khác		269.890	2.286.575
32	10. Chi phí khác		(2.860.776)	(4.490.814)
40	11. Lỗ khác		(2.590.886)	(2.204.239)
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		33.550.802	96.825.427
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26	(65.230)	(15.730.086)
52	14. Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại	26	8.210.547	(4.343.568)
60	15. Lợi nhuận sau thuế TNDN		41.696.119	76.751.773



Nguyễn Văn Tiên  
Người lập



Lê Trương Y Trâm  
Kế toán trưởng




Võ Trường Sơn  
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2018

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>33.550.802</b>	<b>96.825.427</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ") và bất động sản đầu tư	10, 11, 12	9.875.142	10.043.833
03	Các khoản dự phòng		101.541.580	274.318
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		7.943.676	1.112.103
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(776.423.628)	(579.644.935)
06	Chi phí lãi vay	24	539.516.740	464.275.564
<b>08</b>	<b>Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>(83.995.688)</b>	<b>(7.113.690)</b>
09	Giảm các khoản phải thu		350.890.390	802.819.892
10	Giảm hàng tồn kho		16.933.966	12.212.105
11	Giảm các khoản phải trả		(250.553.319)	(789.022.208)
12	Tăng chi phí trả trước		(211.227)	(236.794)
14	Tiền lãi vay đã trả		(136.032.764)	(252.133.333)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	17	-	(2.177.082)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(14.000)	(3.980.661)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh</b>		<b>(102.982.642)</b>	<b>(239.631.771)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ		(5.185.446)	(9.484.297)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác		30.074	4.394.486
23	Tiền chi cho vay		(550.003.837)	(1.073.025.177)
24	Tiền thu hồi cho vay		516.750.924	1.183.627.024
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		-	(2.550.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		2.550.000	-
27	Tiền thu lãi cho vay		148.762.519	17.906.641
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>112.904.234</b>	<b>120.868.677</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay		102.100.000	183.482.521
34	Tiền trả nợ gốc vay		(83.735.100)	(225.169.374)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính</b>		<b>18.364.900</b>	<b>(41.686.853)</b>
<b>50</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>		<b>28.286.492</b>	<b>(160.449.947)</b>
<b>60</b>	<b>Tiền đầu kỳ</b>	<b>4</b>	<b>13.297.086</b>	<b>291.731.443</b>
<b>70</b>	<b>Tiền cuối kỳ</b>	<b>4</b>	<b>41.583.578</b>	<b>131.281.496</b>



Nguyễn Văn Tiên  
Người lập



Lê Trương Y Trâm  
Kế toán trưởng



Võ Trường Sơn  
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP**

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 3903000083, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp ngày 1 tháng 6 năm 2006 và theo ba mươi (30) GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCK HCM") với mã HAG theo Quyết định số 124/QĐ-SGDHCM do SGDCK HCM cấp ngày 15 tháng 12 năm 2008.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là kinh doanh vật tư và máy móc thiết bị ngành trồng trọt và chăn nuôi; dịch vụ nông nghiệp; phát triển căn hộ để bán và cho thuê; xây dựng; cơ khí; kinh doanh khách sạn và khu nghỉ dưỡng; các hoạt động về thể thao và giải trí và sản xuất và kinh doanh thức ăn gia súc, phân bón.

Công ty có trụ sở chính tại số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty cũng có các chi nhánh hạch toán phụ thuộc tọa lạc tại Tỉnh Gia Lai và Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 là 574 (ngày 31 tháng 12 năm 2017: 527).

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty có mười (10) công ty con trực tiếp, hai mươi chín (29) công ty con gián tiếp, một (1) công ty liên kết và năm (5) chi nhánh với chi tiết như sau:

<i>Tên công ty con</i>	<i>Trụ sở</i>	<i>Tình trạng hoạt động</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu trực tiếp và gián tiếp (%)</i>
<b>Lĩnh vực bất động sản</b>			
(1) Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh ("HAN")	Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đang hoạt động	68,90
(2) Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Myanmar ("HAGL Myanmar")	Yangon, Myanmar	Đang hoạt động	68,90
(3) Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai - Bangkok (i)	Bangkok, Thái Lan	Đang hoạt động	32,38
<b>Lĩnh vực thủy điện</b>			
(4) Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai ("DHA")	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	99,40
(5) Công ty TNHH Điện Hoàng Anh Attapeu ("NK2")	Viêng Chăn, Lào	Chờ thanh lý	99,40
(6) Công ty TNHH Điện Nậm Kông 3 ("NK3")	Attapeu, Lào	Trước hoạt động	99,40
(7) Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Sài Gòn	Hồ Chí Minh, Việt Nam	Trước hoạt động	99,00
<b>Lĩnh vực nông nghiệp</b>			
(8) Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("HNG") (ii)	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	62,49
(9) Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	62,49
(10) Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	61,09
(11) Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Attapeu, Lào	Đang hoạt động	61,09



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

<i>Tên công ty con</i>	<i>Trụ sở</i>	<i>Tình trạng hoạt động</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu trực tiếp và gián tiếp (%)</i>
<b>Lĩnh vực nông nghiệp (tiếp theo)</b>			
(12) Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Đắk Lắk, Việt Nam	Đang hoạt động	62,20
(13) Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu ("HAA")	Attapeu, Lào	Đang hoạt động	62,49
(14) Công ty TNHH Hoàng Anh AnDong Meas	Ratanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	61,09
(15) Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Ratanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	62,49
(16) Công ty TNHH Heng Brothers	Ratanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	62,49
(17) Công ty TNHH CRD	Ratanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	62,49
(18) Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Ratanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	62,49
(19) Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	61,87
(20) Công ty Cổ phần An Đông Mía	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	63,40
(21) Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Lumphat	Ratanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	63,40
(22) Công ty Cổ phần Đông Pênh	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	62,43
(23) Công ty TNHH Daun Penh Agrico	Ratanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	62,43
(24) Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương	Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đang hoạt động	62,49
(25) Công ty TNHH Đầu tư Cao su Đông Âu	Hồ Chí Minh, Việt Nam	Trước hoạt động	62,49
(26) Công ty TNHH Cao su Eastern (Cambodia)	Kratie, Campuchia	Trước hoạt động	62,49
(27) Công ty TNHH Bình Phước Kratie 2	Kratie, Campuchia	Đang hoạt động	62,49
(28) Công ty TNHH Sovann Vuthy	Kratie, Campuchia	Đang hoạt động	62,49
(29) Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	62,44
(30) Công ty Cổ phần Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	98,00
(31) Công ty TNHH MTV Phát triển Nông Nghiệp Đại Thắng	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	98,00

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

<i>Tên công ty con</i>	<i>Trụ sở</i>	<i>Tình trạng hoạt động</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu trực tiếp và gián tiếp (%)</i>
<b>Lĩnh vực khai khoáng</b>			
(32) Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Ngưng hoạt động	99,40
(33) Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai - Kon Tum	Kontum, Việt Nam	Ngưng hoạt động	99,40
(34) Công ty TNHH Khoáng sản Hoàng Anh Xêkông	Attapeu, Lào	Ngưng hoạt động	99,40
<b>Lĩnh vực xây dựng, kinh doanh và dịch vụ</b>			
(35) Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	69,85
(36) Công ty Cổ phần Bệnh viện Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	99,00
(37) Công ty TNHH V&H Corporation (Lào)	Viêng Chăn, Lào	Trước hoạt động	80,00
(38) Công ty TNHH V&H Corporation	Viêng Chăn, Lào	Trước hoạt động	100,00
(39) Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane	Viêng Chăn, Lào	Trước hoạt động	100,00
<b>Các chi nhánh hạch toán phụ thuộc</b>			
<b>Dịch vụ hàng hóa – xây dựng</b>			
(1) Chi nhánh nguyên vật liệu - Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	-
(2) Chi nhánh cơ khí - Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	-
(3) Chi nhánh chế biến hoa quả - Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	-
<b>Quản lý bất động sản và khách sạn</b>			
(4) Quản lý bất động sản Quy Nhơn	Quy Nhơn, Việt Nam	Đang hoạt động	-
(5) Khách sạn Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	-
<b>Công ty liên kết</b>			
<b>Dịch vụ tư vấn</b>			
(1) Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông	Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đang hoạt động	25,00
(i) Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết và kiểm soát công ty này.			
(ii) Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là HNG và chính thức được giao dịch từ ngày 20 tháng 7 năm 2015.			



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Giả định hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục, với giả định rằng Công ty sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty đã vi phạm một số điều khoản của các khoản trái phiếu như được trình bày tại các Thuyết minh số 20.3 của báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn 1.085.490.734 ngàn VND. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tại ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Công ty đang trong quá trình tiếp tục triển khai các dự án để đảm bảo dòng tiền cho hoạt động kinh doanh của Công ty và làm việc với các bên cho vay về việc điều chỉnh các điều khoản đã vi phạm của các hợp đồng vay và thế chấp có liên quan. Thêm vào đó, vào ngày 3 tháng 8 năm 2018, Công ty cũng đã ký kết một thỏa thuận hợp tác đầu tư và hợp tác toàn diện giữa các cổ đông với đối tác là Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải ("Thaco"), qua đó, Thaco cam kết sẽ hỗ trợ Công ty và Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("HNG"), công ty con của Công ty trong việc tái cơ cấu hoạt động và các khoản tài chính nhằm phù hợp dòng tiền trả nợ trước hạn. Tại ngày báo cáo tài chính giữa niên độ này, Công ty và Thaco đang trong quá trình thảo luận kế hoạch chi tiết về các cam kết nêu trên. Theo đó, Ban Giám đốc Công ty vẫn tiến hành lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục.

Theo đó, báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể cần được thực hiện nếu báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở hoạt động không liên tục.

**2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty (bao gồm báo cáo của Hội sở và các chi nhánh hạch toán phụ thuộc) được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("ngàn VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 13. Công ty lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

Người sử dụng báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cần đọc báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

**2.4 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính tổng hợp bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND").

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

**3.2 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến khả năng thu hồi bị suy giảm tại ngày kết thúc kỳ kế toán, được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

**3.3 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu xây dựng, công cụ dụng cụ, hàng hóa - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang - Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng với chi phí sản xuất chung được phân bổ dựa trên công suất hoạt động bình thường.

Cần hộ đang xây dựng để bán được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá thành bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng cần hộ, bao gồm cả chi phí đi vay. Giá trị thuần có thể thực hiện được bao gồm giá bán hiện hành trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành cần hộ và các chi phí bán hàng và tiếp thị ước tính.

**Dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

**3.5 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

*Quyền sử dụng đất*

Tiền thuê đất trả trước cho hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

*Phần mềm máy tính*

Phần mềm máy tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ trong thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

**3.6 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 15 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Vườn cây lâu năm	7 năm
Phần mềm máy vi tính	8 năm
Tài sản khác	6 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn không xác định thì không trích hao mòn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.7 Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	50 năm
--------------------------	--------

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

**3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí lũy kế liên quan trực tiếp đến việc xây dựng các công trình nhà xưởng, văn phòng của Công ty mà các công trình này chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**3.9 Thuê tài sản**

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

*Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

*Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê*

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ khi phát sinh. Thu nhập từ tiền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

Trường hợp tài sản cho thuê dài hạn thỏa các điều kiện sẽ được ghi nhận doanh thu một lần đối với toàn bộ số tiền cho thuê nhận trước theo quy định của Thông tư 200/2014/TT-BTC.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.10 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và chi phí đi vay được hạch toán vào chi phí hoạt động phát sinh trong kỳ.

**3.11 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ và chủ yếu là chi phí liên quan đến công cụ, dụng cụ và tiền thuê đất trả trước. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

- ▶ Tiền thuê đất trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê; và
- ▶ Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần không quá ba (3) năm vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

**3.12 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư vào công ty con*

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Đầu tư vào các công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn*

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 26 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

**3.13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.14 *Trợ cấp thôi việc phải trả*

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo tỷ lệ một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

#### 3.15 *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

#### 3.16 *Cổ phiếu quỹ*

Các công cụ vốn chủ sở hữu của Công ty được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo giá gốc và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

#### 3.17 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Hội đồng Quản trị đề nghị và được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.17 *Phân chia lợi nhuận* (tiếp theo)

▶ *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

▶ *Quỹ khen thưởng và phúc lợi*

Quỹ này được trích lập nhằm đem lại phúc lợi chung, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ.

#### 3.18 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu bán căn hộ*

Doanh thu bán căn hộ được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau đây:

- ▶ Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu căn hộ cho người mua;
- ▶ Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý căn hộ như người sở hữu căn hộ hoặc quyền kiểm soát căn hộ;
- ▶ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- ▶ Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán căn hộ; và
- ▶ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán căn hộ.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện.

*Doanh thu từ hợp đồng xây dựng*

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi khách hàng, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản tăng (giảm) khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được hạch toán vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương ứng với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc thu hồi là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.18 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)**

*Tiền cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

*Cổ tức*

Thu nhập được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

**3.19 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.19 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**3.20 Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

**4. TIỀN**

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>
Tiền mặt tại quỹ	1.076.997	6.842.458
Tiền gửi ngân hàng	<u>40.506.581</u>	<u>6.454.628</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>41.583.578</u></b>	<b><u>13.297.086</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Phải thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	30.887.217	99.290.420
Phải thu từ dịch vụ xây dựng	59.707.667	145.140.765
<i>Trong đó:</i>		
<i>Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Thanh Bình</i>	27.595.944	29.776.903
<i>Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai</i>	20.748.897	25.639.563
<i>Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện</i>	343.735	65.325.049
<i>Khách hàng khác</i>	11.019.091	24.399.250
Phải thu tiền bán căn hộ	5.963.634	6.191.043
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>96.558.518</b>	<b>250.622.228</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh "TM" số 27.2)</i>	84.544.039	169.292.304
<i>Phải thu các bên khác</i>	12.014.479	81.329.924

**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Trả trước cho nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ	17.435.955	49.349.094
<i>Trong đó:</i>		
<i>Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên</i>	5.796.321	-
<i>Công ty TNHH MTV QL&amp;SCĐB Gia Lai</i>	4.500.000	-
<i>Công ty Cổ phần Tân Hoàn Mai</i>	-	36.344.319
<i>Các khoản trả trước khác</i>	7.139.634	13.004.775
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>17.435.955</b>	<b>49.349.094</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Trả trước các bên khác</i>	10.989.634	48.653.211
<i>Trả trước bên liên quan (TM số 27.2)</i>	6.446.321	695.883

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**7. PHẢI THU VỀ CHO VAY**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
<i>Ngàn VND</i>		
<b>Ngắn hạn</b>		
Cho vay ngắn hạn các bên liên quan (TM số 27.2) (i)	1.105.973.790	3.289.261.972
Cho vay ngắn hạn các bên khác (ii)	23.993.101	92.995.522
	<u>1.129.966.891</u>	<u>3.382.257.494</u>
<b>Dài hạn</b>		
Cho vay dài hạn các bên liên quan (TM số 27.2) (i)	10.825.474.191	10.078.384.939
Cho vay dài hạn các công ty (ii)	42.880.907	8.809.503
Cho vay dài hạn Chính phủ Lào - Dự án sân bay quốc tế Attapeu (iii)	171.534.495	169.589.065
	<u>11.039.889.593</u>	<u>10.256.783.507</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><b>12.169.856.484</b></u>	<u><b>13.639.041.001</b></u>

- (i) Đây là các khoản cho vay tín chấp cho các bên liên quan có thời hạn hoàn trả từ tháng 6 năm 2018 đến tháng 12 năm 2023 và hưởng lãi suất trung bình dao động từ 4,20% đến 13,00%/năm.
- (ii) Khoản cho vay tín chấp các công ty khác với thời hạn hoàn trả từ tháng 10 năm 2018 đến tháng 5 năm 2020 và hưởng lãi suất trung bình dao động từ 9,75% đến 13,00%/năm.
- (iii) Khoản cho Chính phủ Lào vay - Dự án sân bay quốc tế Attapeu không tính lãi theo Hợp đồng tín dụng được ký với Chính phủ Lào vào ngày 23 tháng 5 năm 2013 để hỗ trợ tài chính xây dựng sân bay quốc tế Attapeu tại Lào. Khoản vay này sẽ được cần trừ với tiền thuế và các nghĩa vụ khác phải trả cho Chính phủ Lào trong tương lai:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
<b>Nợ gốc (USD)</b>	<u><b>7.482.421</b></u>	<u><b>7.482.421</b></u>
<b>Nợ gốc (Ngàn VND)</b>	<u><b>171.534.495</b></u>	<u><b>169.589.065</b></u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**8. PHẢI THU KHÁC**

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
<b>Ngắn hạn</b>		
Phải thu lãi cho vay	592.341.496	1.398.953.738
Cổ tức được chia	242.001.200	-
Chi trả hộ	34.080.054	-
Tạm ứng cho nhân viên	8.262.790	11.087.640
Phải thu khác	26.498.572	75.336.800
	<u>903.184.112</u>	<u>1.485.378.178</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu các bên liên quan (TM số 27.2)</i>	881.038.615	1.445.166.764
<i>Phải thu các bên khác</i>	22.145.497	40.211.414
<b>Dài hạn</b>		
Phải thu lãi cho vay	537.268.177	589.983.768
Phải thu khác	399.449.740	684.221.491
	<u>936.717.917</u>	<u>1.274.205.259</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu các bên liên quan (TM số 27.2)</i>	934.858.282	1.268.487.215
<i>Phải thu các bên khác</i>	1.859.635	5.718.044
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><b>1.839.902.029</b></u>	<u><b>2.759.583.437</b></u>

**9. HÀNG TỒN KHO**

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	37.068.032	24.342.082
Giá trị các căn hộ sẵn sàng để bán	32.002.629	50.826.541
Nguyên vật liệu	15.540.308	20.405.728
Hàng hóa	9.802.073	10.104.115
Thành phẩm	1.896.380	2.249.330
Công cụ, dụng cụ	1.768.755	1.526.833
Hàng đang đi đường	-	5.557.514
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><b>98.078.177</b></u>	<u><b>115.012.143</b></u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	<u>(8.254.630)</u>	<u>(8.254.630)</u>
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<u><b>89.823.547</b></u>	<u><b>106.757.513</b></u>

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Ngàn VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Vườn cây lâu năm	Tài sản khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>							
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	248.348.217	41.217.384	37.874.101	3.018.364	6.689.440	108.060	337.255.566
Tăng trong kỳ	2.159.721	9.274.055	534.114	-	-	-	11.967.890
Thanh lý trong kỳ	-	(902.402)	-	-	-	-	(902.402)
Ngày 30 tháng 6 năm 2018	<u>250.507.938</u>	<u>49.589.037</u>	<u>38.408.215</u>	<u>3.018.364</u>	<u>6.689.440</u>	<u>108.060</u>	<u>348.321.054</u>
<b>Giá trị khấu hao lũy kế</b>							
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	(58.062.315)	(24.120.373)	(22.867.553)	(2.550.284)	(6.689.440)	(58.534)	(114.348.499)
Khấu hao trong kỳ	(4.436.358)	(2.345.547)	(1.601.060)	(127.644)	-	(9.004)	(8.519.613)
Thanh lý trong kỳ	-	902.403	-	-	-	-	902.403
Ngày 30 tháng 6 năm 2018	<u>(62.498.673)</u>	<u>(25.563.517)</u>	<u>(24.468.613)</u>	<u>(2.677.928)</u>	<u>(6.689.440)</u>	<u>(67.538)</u>	<u>(121.965.709)</u>
<b>Giá trị còn lại</b>							
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	<u>190.285.902</u>	<u>17.097.011</u>	<u>15.006.548</u>	<u>468.080</u>	<u>-</u>	<u>49.526</u>	<u>222.907.067</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2018	<u>188.009.265</u>	<u>24.025.520</u>	<u>13.939.602</u>	<u>340.436</u>	<u>-</u>	<u>40.522</u>	<u>226.355.345</u>
<i>Trong đó:</i>							
<i>Thế chấp/cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của công ty con</i>	188.009.265	24.025.520	-	-	-	-	212.034.785
<i>Giá trị nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết</i>	112.993	2.051.311	6.308.951	1.013.285	6.689.440	-	16.175.980

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy vi tính</i>	<i>Ngàn VND</i>
			<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá</b>			
Ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 30 tháng 6 năm 2018	25.278.179	15.171.973	40.450.152
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	-	(9.864.918)	(9.864.918)
Hao mòn trong kỳ	-	(735.812)	(735.812)
Ngày 30 tháng 6 năm 2018	-	(10.600.730)	(10.600.730)
<b>Giá trị còn lại</b>			
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	25.278.179	5.307.055	30.585.234
Ngày 30 tháng 6 năm 2018	25.278.179	4.571.243	29.849.422
<i>Trong đó:</i>			
<i>Thế chấp/cầm cố để đảm bảo các khoản vay của công ty con</i>	25.278.179	-	25.278.179

**12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Ngàn VND</i>
			<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá</b>			
Ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 30 tháng 6 năm 2018	27.072.022	15.001.180	42.073.202
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	(1.478.788)	(2.250.177)	(3.728.965)
Khấu hao trong kỳ	(250.020)	(369.697)	(619.717)
Ngày 30 tháng 6 năm 2018	(1.728.808)	(2.619.874)	(4.348.682)
<b>Giá trị còn lại</b>			
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	25.593.234	12.751.003	38.344.237
Ngày 30 tháng 6 năm 2018	25.343.214	12.381.306	37.724.520
<i>Trong đó:</i>			
<i>Thế chấp/cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của công ty con</i>	25.343.214	12.381.306	37.724.520

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ** (tiếp theo)

*Thuyết minh bổ sung:*

Các khoản doanh thu cho thuê và chi phí hoạt động liên quan đến bất động sản đầu tư được trình bày như sau:

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư	2.603.991	2.549.712
Chi phí hoạt động kinh doanh trực tiếp của các bất động sản đầu tư tạo thu nhập cho thuê trong kỳ	619.714	619.716

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 30 tháng 6 năm 2018. Tuy nhiên, dựa trên tỷ lệ cho thuê của tài sản này, Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>
Đầu tư vào công ty con	13.189.379.853	10.714.783.853
Đầu tư vào công ty liên kết	5.000.000	5.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	7.360.041	7.360.041
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>13.201.739.894</b>	<b>10.727.143.894</b>
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(682.074.372)	(596.414.665)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>12.519.665.522</b>	<b>10.130.729.229</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN** (tiếp theo)

Chi tiết về các khoản đầu tư như sau:

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2018			Ngày 31 tháng 12 năm 2017		
		Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc đầu tư (Ngàn VND)	Dự phòng (Ngàn VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc đầu tư (Ngàn VND)	Dự phòng (Ngàn VND)
<b>Đầu tư vào công ty con:</b>							
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("HNG")	Trồng cây công nghiệp và nông nghiệp, chăn nuôi bò	64,81	4.723.806.841	-	63,70	4.723.806.841	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh ("HAN")	Bất động sản	68,90	3.253.537.647	-	68,90	3.253.537.647	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Năng lượng	99,40	2.532.179.575	(596.143.572)	99,40	2.532.179.575	(510.483.865)
Công ty Cổ phần Hưng Thắng Lợi Gia Lai ("HTL")	Chăn nuôi và trồng trọt	98,00	2.477.146.000	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Bệnh viện Hoàng Anh Gia Lai ("Bệnh viện HAGL")	Bệnh viện	99,00	99.000.000	-	99,00	99.000.000	-
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai ("Thể thao HAGL")	Câu lạc bộ bóng đá	51,00	59.000.000	(59.000.000)	51,00	59.000.000	(59.000.000)
Công ty TNHH V&H Corporation (Lào)	Trồng cây cao su	80,00	26.930.800	(26.930.800)	80,00	26.930.800	(26.930.800)
Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane ("HAGL Vientiane")	Quản lý bất động sản và khách sạn	100,00	17.778.990	-	100,00	17.778.990	-
Công ty Cổ phần Thực phẩm Heygo	Thương mại	-	-	-	51,00	2.550.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>13.189.379.853</b>	<b>(682.074.372)</b>		<b>10.714.783.853</b>	<b>(596.414.665)</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)**

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2018		Ngày 31 tháng 12 năm 2017	
		Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc đầu tư (Ngàn VND)	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc đầu tư (Ngàn VND)
<b>Đầu tư vào công ty liên kết:</b>					
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông	Tư vấn và thiết kế	25,00	<u>5.000.000</u>	25,00	<u>5.000.000</u>
<b>Đầu tư vào các công ty khác:</b>					
Công ty Cổ phần Truyền thông Thanh Niên	Truyền thông	2,00	6.200.000	2,00	6.200.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Hàng không Viễn Đông	Thương mại và vận tải	-	1.160.041	-	1.160.041
<b>TỔNG CỘNG</b>			<u><b>7.360.041</b></u>		<u><b>7.360.041</b></u>

**14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Tiền thuê đất trả trước	9.287.651	9.423.363
Công cụ, dụng cụ	3.706.339	3.373.251
Chi phí trả trước dài hạn khác	495.282	921.664
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><b>13.489.272</b></u>	<u><b>13.718.278</b></u>

**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Phải trả người bán hàng hóa và dịch vụ	64.862.141	107.875.868
Trong đó:		
Netafim Ltd	10.386.592	19.397.914
Công ty TNHH MTV Nguyên vật liệu Hoàng Thơ	9.328.145	9.328.145
Các bên khác	45.147.404	79.149.809
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><b>64.862.141</b></u>	<u><b>107.875.868</b></u>
Trong đó:		
Phải trả các bên khác	51.468.828	69.645.254
Phải trả các bên liên quan (TM số 27.2)	13.393.313	38.230.614

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Khách hàng dịch vụ xây dựng trả tiền trước	194.864.545	226.383.354
Khách hàng thương mại trả tiền trước	23.366.535	198.138.909
Khách hàng mua căn hộ trả tiền trước	32.599.820	1.839.311
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>250.830.900</b>	<b>426.361.574</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Các bên liên quan (TM số 27.2)</i>	217.271.204	423.568.992
<i>Các bên khác</i>	33.559.696	2.792.582

**17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Ngàn VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2018
Thuế thu nhập doanh nghiệp	45.838.212	65.230	-	45.903.442
Thuế thu nhập cá nhân	2.245.372	1.163.632	(280.670)	3.128.334
Thuế giá trị gia tăng	1.187.318	6.103.293	(7.118.615)	171.996
Thuế và các khoản phải nộp khác cho Nhà nước	11.991.687	5.626.282	(2.746.153)	14.871.816
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>61.262.589</b>	<b>12.958.437</b>	<b>(10.145.438)</b>	<b>64.075.588</b>

**18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
<b>Ngắn hạn</b>		
Chi phí lãi vay	418.671.323	110.133.511
Chi phí phát hành trái phiếu	21.414.660	21.414.660
Chi phí hoạt động	4.346.852	4.732.191
Khác	9.606.743	9.525.579
	<u>454.039.578</u>	<u>145.805.941</u>
<b>Dài hạn</b>		
Chi phí lãi vay	1.076.915.146	948.576.222
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.530.954.724</b>	<b>1.094.382.163</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Các bên liên quan (TM số 27.2)</i>	7.710.365	15.424.254
<i>Các bên khác</i>	1.523.244.359	1.078.957.909

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**19. PHẢI TRẢ KHÁC**

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
<b>Ngắn hạn</b>		
Phải trả về hợp tác kinh doanh (*)	1.207.055.000	1.132.500.000
Phải trả tiền mượn không lãi từ các công ty khác	486.640.624	489.940.305
Phải trả về thu hộ	86.524.735	193.948.611
Phải trả hộ tiền thuê đất của công ty con	82.428.607	82.428.607
Phí bảo trì căn hộ	11.073.496	11.736.624
Phải trả các cá nhân khác	6.134.317	12.273.984
Phải trả cổ tức	366.416	366.416
Phải trả lãi vay	272.700	1.698.599
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.521.843	3.117.138
	<u>1.883.017.738</u>	<u>1.928.010.284</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả các bên liên quan (TM số 27.2)</i>	1.673.765.379	1.719.241.504
<i>Phải trả các bên khác</i>	209.252.359	208.768.780
<b>Dài hạn</b>		
Phải trả do thu chi trả hộ	220.786.783	-
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả các bên liên quan (TM số 27.2)</i>	220.539.283	-
<i>Phải trả các bên khác</i>	247.500	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><b>2.103.804.521</b></u>	<u><b>1.928.010.284</b></u>

(\*) Thể hiện phần vốn góp nhận được cho các Hợp đồng hợp tác kinh doanh ("HĐHTKD") được ký kết ngày 1 tháng 9 năm 2017 với các cá nhân về việc hợp tác đầu tư vào các dự án trồng cây ăn trái của Tập đoàn. Các HĐHTKD không yêu cầu thành lập pháp nhân mới và lợi nhuận sẽ được chia dựa vào kết quả kinh doanh của dự án với thời hạn hợp tác là 1 năm kể từ ngày hợp đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**20. VAY**

	Ngàn VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2018
<b>Vay ngắn hạn</b>				
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (TM số 20.1)	25.000.000	365.713.147	-	390.713.147
Trái phiếu thường đến hạn trả (TM số 20.3)	314.381.873	92.029.467	(235.515.894)	170.895.446
Vay ngắn hạn từ tổ chức khác (TM số 20.2)	-	102.100.000	(44.300.000)	57.800.000
	<u>339.381.873</u>	<u>559.842.614</u>	<u>(279.815.894)</u>	<u>619.408.593</u>
<b>Vay dài hạn</b>				
Trái phiếu thường (TM số 20.3)	8.935.477.868	4.898.256	(92.072.139)	8.848.303.985
Vay dài hạn ngân hàng (TM số 20.1)	849.974.506	-	(364.277.427)	485.697.079
Vay dài hạn bên liên quan (TM số 20.4)	596.322.486	-	(450.231.350)	146.091.136
	<u>10.381.774.860</u>	<u>4.898.256</u>	<u>(906.580.916)</u>	<u>9.480.092.200</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><b>10.721.156.733</b></u>	<u><b>564.740.870</b></u>	<u><b>(1.186.396.810)</b></u>	<u><b>10.099.500.793</b></u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**20. VAY** (tiếp theo)

**20.1 Vay ngân hàng**

Chi tiết của khoản vay như sau:

Tên ngân hàng	Ngày 30 tháng	Nguyên tệ		Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm	Tài sản thế chấp
	6 năm 2018	Ngàn VND	USD			
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV") - Chi nhánh Gia Lai	576.703.770	449.725.354	5.522.001	Từ ngày 19 tháng 9 năm 2019 đến ngày 20 tháng 10 năm 2020	VND: 11,60%; USD: 8,24% - 8,84%	Tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai của vườn cao su 1.194,74 ha và các lợi ích hợp pháp khác từ vườn cây trên 1.199 ha tại Xã Pờ Tó, Huyện Ia Pa, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên; Toàn bộ công trình khu liên hợp học viện bóng đá HAGL tại Ia Băng, Đak Đoa, Gia Lai, Việt Nam; Toàn bộ công trình đại học Y Dược Hoàng Anh Gia Lai, Việt Nam; 3.310.000 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của HAG; 7 xe ô tô thuộc sở hữu của HAG; 1 xe ô tô thuộc sở hữu của DHA
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh ("HD Bank") - Chi nhánh Sở giao dịch Đồng Nai	299.706.456	299.706.456	-	Từ ngày 1 tháng 8 năm 2019 đến ngày 30 tháng 8 năm 2020	11,00%	196.368.090 cổ phiếu HAN do công ty HAG sở hữu
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>876.410.226</b>					
<i>Trong đó:</i>						
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>		390.713.147				
<i>Vay dài hạn</i>		485.697.079				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**20. VAY (tiếp theo)**

**20.2 Vay ngắn hạn từ tổ chức khác**

Tên tổ chức	Ngày 30 tháng 6 năm 2018 Ngàn VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 Ngàn VND	Lãi suất %/năm	Ngày đáo hạn
Công ty TNHH MTV Yamagata	<u>57.800.000</u>	<u>-</u>	14,00%	Ngày 17 tháng 7 năm 2018

Các khoản vay tín chấp trên được thực hiện nhằm tài trợ bổ sung vốn lưu động của HAG.

**20.3 Trái phiếu thường**

Tổ chức thu xếp phát hành	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
BIDV và Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BSC")	5.876.000.000	5.876.000.000
Công ty TNHH Chứng khoán ACB ("ACBS")	540.000.000	756.649.915
Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Gia ("PHUGIASC")	930.000.000	930.000.000
Công ty Chứng khoán Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng ("VPBS")	991.000.000	991.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán IB ("IBSC")	164.134.021	183.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT ("FPTS") và Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng ("VPB")	594.000.000	594.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu	<u>(75.934.590)</u>	<u>(80.790.174)</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>9.019.199.431</u></b>	<b><u>9.249.859.741</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Trái phiếu dài hạn</i>	8.848.303.985	8.935.477.868
<i>Trái phiếu dài hạn đến hạn trả</i>	170.895.446	314.381.873

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. VAY (tiếp theo)

20.3 Trái phiếu thường (tiếp theo)

Tổ chức thu xếp phát hành	Trái chủ	Số tiền Ngàn VND	Lãi suất %/năm	Ngày đáo hạn	Mục đích	Tài sản đảm bảo
BIDV và BSC	BIDV	5.876.000.000	Trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn mười hai (12) tháng bằng VND được công bố tại Chi nhánh của bốn (4) Ngân hàng thương mại tại Tỉnh Gia Lai, bao gồm: Agribank, BIDV, Vietcombank và Vietinbank cộng với biên độ 3,00%/năm (trung bình 9,77%/năm)	Ngày 30 tháng 12 năm 2026	Bổ sung vốn cho các dự án đầu tư và tái cấu trúc nợ vay của Tập đoàn	Các quyền thuê đất như sau: 4.897,5 ha tại Tỉnh Attapeu, Lào thuộc sở hữu của Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh; 9.996,9 ha (trồng cao su) tại Tỉnh Attapeu, Lào; 5.588 ha (trồng cao su) và 2.093 ha (trồng cọ dầu) tại Tỉnh Attapeu, Lào thuộc sở hữu của Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu; 9.380,9 ha tại Tỉnh Ratanakiri, Campuchia thuộc sở hữu của Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Andong Meas; 1.960,91 ha tại Tỉnh Ratanakiri, Campuchia thuộc sở hữu của Công ty TNHH Heng Brothers; 3.283,66 ha tại Tỉnh Ratanakiri, Campuchia, thuộc sở hữu của Công ty TNHH CRD; Tất cả tài sản (động sản và bất động sản) gắn liền trên đất và mọi quyền, quyền lợi và lợi ích gắn liền với hoặc phát sinh từ tài sản gắn liền với đất như trên; Quyền sở hữu và quyền được bồi thường khi phát sinh các sự kiện bảo hiểm theo các hợp đồng bảo hiểm đối với tài sản gắn liền với đất nêu trên; 44.926.000 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của Chủ tịch HĐQT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. VAY (tiếp theo)

20.3 Trái phiếu thường (tiếp theo)

Tổ chức thu xếp phát hành	Trái chủ	Số tiền  Ngàn VND	Lãi suất  %/năm	Ngày đáo hạn	Mục đích	Tài sản đảm bảo
ACBS	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt	240.000.000	Năm thứ nhất 10,00%, năm thứ hai trở đi lãi suất sẽ bằng trung bình của lãi suất tiền gửi tiết kiệm doanh nghiệp kỳ hạn 13 tháng bằng VND cộng với biên độ 3,50%/năm (trung bình 10,90%/năm)	Từ ngày 30 tháng 6 năm 2018 đến ngày 30 tháng 6 năm 2020	Bổ sung vốn cho các dự án đầu tư của Tập đoàn bao gồm dự án trồng mới và chăm sóc 10.000 ha cao su (Tỉnh Ratanakiri, Campuchia); dự án thủy điện Nậm Kông 2 (Tỉnh Attapeu, Lào) và tái cấu trúc nợ vay của Tập đoàn	12.960.000 cổ phiếu HAG của Chủ tịch HĐQT; 13.405.675 cổ phiếu HNG do Công ty nắm giữ; 45.230.000 cổ phiếu của CNGL sở hữu bởi Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú
	Công ty Cổ phần Việt Golden Farm (*)	300.000.000	Lãi suất tiền gửi kỳ hạn 13 tháng của Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong cộng với biên độ 4,50%/năm (trung bình 10,00%/năm)	Ngày 18 tháng 6 năm 2023	Bổ sung vốn cho các dự án đầu tư và tái cấu trúc nợ vay của Tập đoàn	196.368.900 cổ phần HAN thuộc sở hữu của Công ty; Tài sản hình thành từ công trình xây dựng Khu phức hợp Hoàng Anh Myanmar của HAGL Myanmar
		<b>540.000.000</b>				

Trong đó:

Trái phiếu dài hạn đến hạn trả	120.000.000
-----------------------------------	-------------

(\*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, các điều kiện ràng buộc như được quy định trong hợp đồng trái phiếu đã bị vi phạm.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**20. VAY (tiếp theo)**

**20.3 Trái phiếu thường (tiếp theo)**

Tổ chức thu xếp phát hành	Trái chủ	Số tiền Ngàn VND	Lãi suất %/năm	Ngày đáo hạn	Mục đích	Tài sản đảm bảo
PHUGIASC	HD Bank - Chi nhánh Sở giao dịch Đồng Nai	930.000.000	Lãi suất điều chỉnh 3 tháng một lần và bằng chi phí vốn (COF) VND 12 tháng do ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM cộng với biên độ 3,50%/năm (trung bình 11,30%/năm)	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Bổ sung vốn cho các dự án đầu tư và tái cấu trúc nợ vay của Tập đoàn	74.070.455 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty; 10.800.000 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của Chủ tịch HĐQT; 196.368.900 cổ phần HAN thuộc sở hữu của Công ty
VPBS	VPB	991.000.000	Bằng lãi suất tiền gửi đối với tổ chức kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng cộng với biên độ áp dụng cho 3 kỳ tính lãi thuộc năm đầu tiên là 3,50%/năm và các kỳ tính lãi tiếp theo là 3,25%/năm (trung bình 11,20%/năm)	Ngày 28 tháng 12 năm 2021	Hợp tác kinh doanh thực hiện Dự án chăn nuôi bò thịt và bò sữa tại Tỉnh Gia Lai với CNGL (600 tỷ VND), và tăng quy mô vốn hoạt động của Công ty (400 tỷ VND)	110.628.505 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty; 4.700.000 cổ phiếu Công ty thuộc sở hữu của Chủ tịch HĐQT; 19.940.000 cổ phiếu của HNG tại Công ty Cổ phần Đông Pênh và dự án Daun Penh với quy mô 73.760.785 m2 tại Tỉnh Rattarakiri, Campuchia thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH Daun Penh Agrico
IBSC	VPB	164.134.021	Bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm bằng VND đối với cá nhân kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ của VPB được xác định tại Ngày Xác Định lãi suất cộng với biên độ 4,00%/năm (trung bình 11,30%/năm)	Ngày 29 tháng 12 năm 2020	Bổ sung vốn cho các dự án đầu tư và tái cấu trúc nợ vay của Tập đoàn	166.345.440 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty; Dự án 7.376,08 ha cọ dầu của Công ty TNHH Daun Penh Agrico tại Xã Chey Ou Dom, Huyện Lumphat, Tỉnh Ratanakiri, Campuchia và 4.700.000 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của Chủ tịch HĐQT

Trong đó:

Trái phiếu dài hạn đến hạn trả

50.895.446



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**20. VAY (tiếp theo)**

**20.3 Trái phiếu thường (tiếp theo)**

Tổ chức thu xếp phát hành	Trái chủ	Số tiền Ngàn VND	Lãi suất %/năm	Ngày đáo hạn	Mục đích	Tài sản đảm bảo
FPTS và VPB	VPB	594.000.000	Bằng lãi suất tiền gửi bằng VND đối với tổ chức kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ của VPB - Sở Giao Dịch được xác định tại Ngày Xác Định lãi suất cộng với biên độ là 4,00%/năm (trung bình 11,20%/năm)	Ngày 27 tháng 12 năm 2021	Dự án chăn nuôi bò thịt tại Xã Ia Băng, Huyện Chư Prông, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam cho Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên, là công ty con, dưới hình thức hợp tác đầu tư	196.368.900 cổ phần HAN sở hữu bởi HAG; Tài sản hình thành từ công trình xây dựng Khu Phức Hợp Hoàng Anh Myanmar và vốn góp 51 triệu USD của HAN vào HAGL Myanmar; 225.970.000 cổ phần của DHA; 166.345.440 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty; 19.940.000 cổ phần của HNG tại Công ty Cổ phần Đông Pênh và Dự án 7.376,08 ha cọ dầu của Công ty TNHH Daun Penh Agrico tại xã Chey Ou Dom, Huyện Lumphat, Tỉnh Ratanakiri, Campuchia

**20.4 Vay dài hạn từ bên liên quan**

Chi tiết vay dài hạn từ bên liên quan như sau:

Bên cho vay	Số tiền Ngàn VND	Lãi suất %/năm	Ngày đáo hạn	Mục đích	Tài sản đảm bảo
DHA	146.091.136	5,00%	Ngày 16 tháng 6 năm 2022	Thanh toán trái phiếu Bắc Á	Tín chấp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**21.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<i>Ngàn VND</i>						
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</b>						
Vào ngày 1 tháng 1 năm 2017	7.899.679.470	3.539.078.784	(686.640)	279.895.303	561.569.778	12.279.536.695
Vốn tăng trong kỳ	1.375.000.000	(275.220.000)	-	-	-	1.099.780.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	76.751.773	76.751.773
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>9.274.679.470</u>	<u>3.263.858.784</u>	<u>(686.640)</u>	<u>279.895.303</u>	<u>638.321.551</u>	<u>13.456.068.468</u>
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</b>						
Vào ngày 1 tháng 1 năm 2018	9.274.679.470	3.263.858.784	(686.640)	279.895.303	86.517.785	12.904.264.702
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	41.696.119	41.696.119
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018	<u>9.274.679.470</u>	<u>3.263.858.784</u>	<u>(686.640)</u>	<u>279.895.303</u>	<u>128.213.904</u>	<u>12.945.960.821</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**21.2 Cổ phiếu**

	<i>Số lượng cổ phiếu</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	927.467.947	927.467.947
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	927.467.947 927.467.947	927.467.947 927.467.947
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	927.399.283 927.399.283	927.399.283 927.399.283
Số lượng cổ phiếu quỹ do Công ty nắm giữ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	68.664 68.664	68.664 68.664

**22. DOANH THU**

**22.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Ngàn VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>63.705.500</b>	<b>170.135.106</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	39.761.882	15.004.039
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	21.364.154	76.217.216
<i>Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng</i>	1.409.714	74.655.803
<i>Doanh thu bán căn hộ</i>	1.169.750	4.258.048
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với bên liên quan</i>	50.892.018	110.748.416
<i>Doanh thu đối với bên khác</i>	12.813.482	59.386.690

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**22. DOANH THU (tiếp theo)**

**22.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
Lãi cho vay	534.331.646	563.480.565
Cổ tức được chia	242.001.200	60.000
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	9.816.989	1.249.948
Lãi tiền gửi ngân hàng	90.782	1.722.243
Thu nhập từ hoán đổi trái phiếu	-	14.418.900
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>786.240.617</u></b>	<b><u>580.931.656</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với bên liên quan</i>	<i>752.392.077</i>	<i>545.250.510</i>
<i>Doanh thu đối với bên khác</i>	<i>33.848.540</i>	<i>35.681.146</i>

**23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
Giá vốn dịch vụ cung cấp	36.393.053	12.915.164
Giá vốn sản phẩm, hàng hóa đã bán	20.249.429	66.291.774
Giá vốn của các hợp đồng xây dựng	1.766.067	58.909.190
Giá vốn căn hộ đã bán	843.600	3.130.073
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>59.252.149</u></b>	<b><u>141.246.201</u></b>

**24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
Chi phí lãi vay	539.516.740	464.275.564
Dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào công ty con	85.659.707	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	9.451.390	2.984.084
Lỗ từ thanh lý khoản đầu tư	-	36.773
Các khoản khác	-	472.825
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>634.627.837</u></b>	<b><u>467.769.246</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Ngàn VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
<b>Chi phí bán hàng</b>		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	293.345	1.748.286
Chi phí lương nhân viên	102.000	814.957
Chi phí bán hàng khác	609.902	939.842
	<u>1.005.247</u>	<u>3.503.085</u>
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí lương nhân viên	23.118.415	23.295.406
Chi phí khấu hao	4.022.608	4.583.314
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.230.618	2.138.380
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	90.547.555	9.501.464
	<u>118.919.196</u>	<u>39.518.564</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><b>119.924.443</b></u>	<u><b>43.021.649</b></u>

**26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với thuế suất 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**26.1 Chi phí thuế TNDN**

	Ngàn VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	65.230	15.730.086
(Thu nhập) chi phí thuế TNDN hoãn lại	(8.210.547)	4.343.568
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><b>(8.145.317)</b></u>	<u><b>20.073.654</b></u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**26.2 Chi phí thuế TNDN**

Chi phí thuế TNDN phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận thuần trước thuế và thu nhập chịu thuế tính thuế:

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>33.550.802</b>	<b>96.825.427</b>
<i>Các khoản điều chỉnh tăng (giảm)</i>		
Chi phí không được khấu trừ	86.336.719	3.682.430
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	25.170.862	(21.797.428)
Thu nhập cổ tức	(242.001.200)	(60.000)
<b>(Lỗ) lợi nhuận tính thuế ước tính trong năm hiện hành</b>	<b>(96.942.817)</b>	<b>78.650.429</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính</b>	<b>-</b>	<b>15.730.086</b>
Thuế TNDN hiện hành của hoạt động bất động sản	65.230	-
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính trong kỳ</b>	<b>65.230</b>	<b>15.730.086</b>
Thuế TNDN trả trước đầu kỳ	45.838.212	47.981.390
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	-	(2.177.082)
<b>Thuế TNDN trả trước cuối kỳ (TM số 17)</b>	<b>45.903.442</b>	<b>61.534.394</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**26.3 Thuế TNDN hoãn lại**

Công ty đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế TNDN hoãn lại (thuế TNDN hoãn lại phải trả) với các biến động trong kỳ báo cáo và kỳ trước như sau:

	Ngàn VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động</i>	
	<i>tổng hợp giữa niên độ</i>		<i>kinh doanh tổng hợp giữa niên độ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng</i>	<i>Ngày 31 tháng</i>	<i>Cho kỳ kế toán</i>	<i>Cho kỳ kế toán</i>
	<i>6 năm 2018</i>	<i>12 năm 2017</i>	<i>sáu tháng kết</i>	<i>sáu tháng kết</i>
			<i>thúc ngày 30</i>	<i>thúc ngày 30</i>
			<i>tháng 6</i>	<i>tháng 6</i>
			<i>năm 2018</i>	<i>năm 2017</i>
Dự phòng hàng tồn kho	1.596.030	1.596.030	-	-
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	3.176.375	-	3.176.375	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái từ đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(3.158.180)	(8.192.352)	5.034.172	(4.343.568)
<b>Thuế TNDN hoãn lại phải trả thuần</b>	<b>1.614.225</b>	<b>(6.596.322)</b>		
<b>Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại</b>			<b>8.210.547</b>	<b>(4.343.568)</b>

**Lỗi chuyển sang từ năm trước**

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 571.844.600 ngàn VND có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế	Ngàn VND		
			<i>Đã chuyển lỗ</i>	<i>Không được</i>	<i>Chưa chuyển</i>
			<i>đến ngày 30</i>	<i>chuyển lỗ</i>	<i>lỗ tại ngày 30</i>
			<i>tháng 06</i>		<i>tháng 06</i>
			<i>năm 2018</i>		<i>năm 2018</i>
2017	2022	474.901.783	-	-	474.901.783
2018	2023	96.942.817	-	-	96.942.817
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>571.844.600</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>571.844.600</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**27. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**27.1 Giao dịch trong kỳ kế toán sáu tháng**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 và 30 tháng 6 năm 2017 bao gồm:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Lãi cho vay	-	7.263.298
		Bán hàng và cung cấp hợp đồng xây dựng	241.076	1.794.235
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Lãi cho vay	58.813.045	71.109.313
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Công ty con	Lãi cho vay	1.418.265	10.020.596
		Bán hàng và cung cấp dịch vụ	374.183	15.713.369
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Lãi cho vay	55.442.209	53.172.892
		Bán hàng và cung cấp dịch vụ và xây dựng	4.118.501	14.529.672
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Lãi đi vay	8.807.785	-
		Mua hàng hóa	-	2.442.908
Công ty Cổ phần An Đông Mía	Công ty con	Lãi cho vay	-	1.709.823
		Bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.331.174	-
Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Lum Phát	Công ty con	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	9.834.915
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Lãi cho vay	12.631.212	14.835.876
		Bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.007.858	-
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Lãi cho vay	13.828.488	37.085.768
		Bán hàng và cung cấp dịch vụ xây dựng	1.951.991	10.501.590
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Lãi cho vay	40.435.131	139.897.373
		Bán hàng và cung cấp dịch vụ xây dựng	34.183.275	-
		Mua hàng hóa	10.975.969	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**27. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

**27.1 Giao dịch trong kỳ kế toán sáu tháng (tiếp theo)**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 và 30 tháng 6 năm 2017 bao gồm: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên quan	Lãi cho vay Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ xây dựng	196.295.799 3.683.960	82.583.591 18.447.046
Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	Công ty liên quan	Lãi cho vay	7.836.947	14.181.498
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	Lãi cho vay	2.184.035	18.100.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Công ty liên quan	Lãi cho vay	-	25.041.014
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Tuấn	Công ty liên quan	Lãi cho vay	-	3.913.477
Công ty Cổ phần Xây dựng Huỳnh Đệ	Công ty liên quan	Lãi cho vay	-	2.482.376
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Cung cấp hàng hóa	-	7.354.177
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Thanh Bình	Công ty liên quan	Lãi cho vay	7.571.832	9.983.750
Công ty TNHH MTV Đại Lộc Hưng Thịnh	Công ty liên quan	Lãi cho vay	2.997.903	4.339.662
Công ty TNHH An Tiến	Công ty liên quan	Lãi cho vay	4.675.832	5.345.458
Công ty TNHH MTV Nguyên Vật liệu Hoàng Thơ	Công ty liên quan	Lãi cho vay	-	8.126.397
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty con	Lãi cho vay Cung cấp hàng hóa và dịch vụ	1.576.724 -	- 22.927.662
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Công ty con	Lãi cho vay	90.534.554	-
Công ty Cổ phần An Đông Mia	Công ty con	Lãi cho vay	14.148.901	-
DHA	Công ty con	Cho vay	3.672.570	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**27. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

**27.2 Số dư các khoản phải thu và phải trả**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (TM số 5)</b>				
Nhóm An Phú (*)	Các công ty liên quan	(*)	63.615.502	61.457.875
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Công ty con	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ Cung cấp dịch vụ xây dựng	307.066	13.502.517
Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Lumphat	Công ty con	Bán hàng hóa	-	14.523.252
Công ty TNHH MTV Phát triển nông nghiệp Đại Thắng	Công ty con	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	1.706.941	12.350.729
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Bán hàng hóa Cung cấp dịch vụ xây dựng	3.145.881	9.134.694
Công ty TNHH Daun Penh Agrico	Công ty con	Bán hàng hóa	-	9.999.240
Công ty Cổ phần An Đông Mía	Công ty con	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	8.781.328
Công ty Cổ phần Bệnh viện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Cung cấp dịch vụ xây dựng	-	5.888.019
Công ty Cổ phần IAPACCO	Công ty liên quan	Cung cấp dịch vụ xây dựng Cung cấp dịch vụ	- 3.941.064	2.930.603 1.010.461
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ xây dựng	192.515	2.617.317
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ Cung cấp dịch vụ xây dựng	604.548	1.418.474
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	2.303.162	1.194.518
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Bán hàng hóa	-	24.707
Công ty Cổ phần Nông Nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	1.485.810	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**27. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

**27.2 Số dư các khoản phải thu và phải trả (tiếp theo)**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (TM số 5) (tiếp theo)</b>				
Công ty TNHH Hoàng Anh AnDong Meas	Công ty con	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	5.361.690	-
Công ty TNHH Dịch vụ Nông Nghiệp Tây Nguyên	Bên liên quan	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	1.300.000	-
Các công ty khác	Bên liên quan	Các khoản khác	579.860	1.687.938
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>84.544.039</b>	<b>169.292.304</b>

(\*) Số dư chi tiết nhóm An Phú như sau:

Nhóm An Phú	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên quan	Cung cấp dịch vụ xây dựng	-	18.084.773
		Cung cấp dịch vụ	27.824.690	7.554.790
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Thanh Bình	Công ty liên quan	Cung cấp dịch vụ xây dựng	27.595.944	27.595.944
		Bán hàng hóa	2.180.960	2.180.959
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Tuấn	Công ty liên quan	Cung cấp dịch vụ xây dựng	5.501.714	5.501.714
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	512.194	539.695
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>63.615.502</b>	<b>61.457.875</b>

**Trả trước cho người bán ngắn hạn (TM số 6)**

Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Công ty con	Ứng trước mua hàng hóa	-	695.883
Công ty Cổ phần Đầu tư Việt May	Công ty liên quan	Ứng trước mua hàng hóa	650.000	-
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Công ty con	Ứng trước mua hàng hóa	5.796.321	-
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>6.446.321</b>	<b>695.883</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**27. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

**27.2 Số dư các khoản phải thu và phải trả (tiếp theo)**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Lãi suất %/năm	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
<b>Phải thu về cho vay ngắn hạn (TM số 7)</b>				
Nhóm An Phú (*)	Các công ty liên quan	(*)	435.705.726	412.622.883
Ông Nguyễn Quyền	Bên liên quan	-	-	935.057.000
Ông Từ Minh Đăng	Bên liên quan	-	-	676.200.000
Ông Hoàng Trọng Hưng	Bên liên quan	-	-	516.700.000
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	10,77% - 12,00%	-	478.500.000
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	10,50% - 15,00%	236.191.679	236.191.679
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	12,00%	37.910.409	33.990.410
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	9,75%	289.612.200	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	0,00%	56.653.075	-
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty con	9,75%	49.900.701	-
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>1.105.973.790</b>	<b>3.289.261.972</b>

(\*) Số dư chi tiết nhóm An Phú như sau:

Nhóm An Phú	Mối quan hệ	Lãi suất %/năm	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên quan	10,81% - 11,00%	153.264.177	185.994.550
Công ty TNHH An Tiến	Công ty liên quan	12,00% - 15,00%	93.000.000	93.000.000
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Thanh Bình	Công ty liên quan	10,00% - 10,50%	72.000.000	72.000.000
Công ty TNHH MTV Đại Lộc Hưng Thịnh	Công ty liên quan	13,00% - 15,00%	34.714.753	61.628.333
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	12,00%	82.726.796	-
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>435.705.726</b>	<b>412.622.883</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**27. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

**27.2 Số dư các khoản phải thu và phải trả (tiếp theo)**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Lãi suất %/năm	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
<b>Phải thu về cho vay dài hạn (TM số 7)</b>				
Nhóm An Phú (*)	Các công ty liên quan	(*)	6.393.549.943	3.599.259.475
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	11,93% - 14,00%	352.700.664	1.957.824.733
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Công ty con	12,00% - 15,00%	1.541.466.568	1.514.041.568
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	9,75% - 12,50%	559.900.868	1.408.413.314
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	8,00%	1.370.190.226	1.367.079.207
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Công ty con	10,00%	-	58.001.920
Công ty TNHH Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai - Kon Tum	Công ty con	0,00%	53.092.286	53.092.286
Công ty Cổ phần An Đông Mia	Công ty con	10,00%	514.788.889	34.007.539
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	10,00% - 12,00%	-	31.376.192
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	6,00% - 10,50%	-	30.560.000
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	0,00%	-	10.578.565
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	0,00%	-	7.526.320
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	0,00%	22.895.432	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**27. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

**27.2 Số dư các khoản phải thu và phải trả (tiếp theo)**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Lãi suất %/năm	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
<b>Phải thu về cho vay dài hạn (TM số 7) (tiếp theo)</b>				
Công ty Cổ phần IAPACCO	Công ty liên quan	0,00%	6.123.820	6.123.820
Công ty TNHH Điện Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	12,00%	500.000	500.000
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	11,00%	4.675.495	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Việt May	Công ty liên quan	10,00%	5.590.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>10.825.474.191</b>	<b>10.078.384.939</b>

(\*) Số dư chi tiết nhóm An Phú như sau:

Nhóm An Phú	Mối quan hệ	Lãi suất %/năm	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên quan	8,00% - 15,00%	4.736.094.508	3.038.928.590
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Công ty liên quan	0,00%	1.066.851.346	-
Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	Công ty liên quan	8,00% - 15,00%	155.872.977	155.872.977
Công ty Cổ phần Xây dựng Huynh Đệ	Công ty liên quan	13,21% - 15,73%	196.731.112	196.731.112
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	15,00%	100.000.000	82.726.796
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Thanh Bình	Công ty liên quan	8,00% - 15,00%	75.000.000	75.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Xây dựng Phúc Bảo Minh	Công ty liên quan	10,00%	50.000.000	50.000.000
Công ty TNHH MTV Nguyên Vật liệu Hoàng Thơ	Công ty liên quan	0,00%	13.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>6.393.549.943</b>	<b>3.599.259.475</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**27. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

**27.2 Số dư các khoản phải thu và phải trả** (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
<b>Phải thu ngắn hạn khác (TM số 8)</b>				
Nhóm An Phú (*)	Các công ty liên quan	(*)	469.023.653	392.803.024
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông Nghiệp Đại Thắng	Công ty con	Lãi cho vay	1.576.724	-
Công ty Cổ phần Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Công ty con	Cổ tức	242.001.200	-
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Lãi cho vay Chi trả hộ	9.150.941 -	401.296.987 5.960.659
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Lãi cho vay Chi trả hộ	86.793.563 149.454	74.324.611 -
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắc Lắc	Công ty con	Lãi cho vay	-	16.351.985
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Công ty con	Lãi cho vay	2.783.333	2.783.333
Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Lumphat	Công ty con	Chi trả hộ	-	4.178.897
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	Lãi vay Chi trả hộ	34.988.371 609.310	33.288.966 -
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Công ty con	Chi trả hộ	-	126.000
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Chi trả hộ	-	2.310.128
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Lãi cho vay Chi trả hộ	- -	330.772.628 12.682.058
Công ty TNHH Điện Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Chi trả hộ	33.385.309	32.645.815
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Lãi cho vay Khác	- -	130.793.500 42.400
Công ty TNHH Daun Penh Agrico	Công ty con	Chi trả hộ	-	2.723.569
Ông Phan Thanh Thủ	Thành viên HĐQT	Tạm ứng	-	1.600.000
Các công ty khác	Bên liên quan	Các khoản khác	576.757	482.204
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>881.038.615</b>	<b>1.445.166.764</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**27. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

**27.2 Số dư các khoản phải thu và phải trả (tiếp theo)**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

(\*) Số dư chi tiết nhóm An Phú như sau:

Nhóm An Phú	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	Công ty liên quan	Lãi cho vay Chi trả hộ	157.007.722 2.619.183	157.007.722 2.619.183
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên quan	Lãi cho vay	187.386.272	156.386.695
Công ty TNHH An Tiến	Công ty liên quan	Lãi cho vay	26.482.137	21.806.304
Công ty TNHH MTV Đại Lộc Hưng Thịnh	Công ty liên quan	Lãi cho vay	24.555.146	21.557.241
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Thanh Bình	Công ty liên quan	Lãi cho vay	22.029.000	18.228.000
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Mê Kông	Công ty liên quan	Chi trả hộ	12.624.060	12.624.059
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Lãi cho vay Chi trả hộ	33.641.312 2.661.565	2.556.565 -
Công ty Cổ phần Xây dựng Huỳnh Đệ	Công ty liên quan	Lãi cho vay	17.256	17.255
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>469.023.653</b>	<b>392.803.024</b>
<b>Phải thu dài hạn khác (TM số 8)</b>				
Nhóm An Phú (*)	Các công ty liên quan	(*)	356.793.580	193.067.949
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Chi trả hộ Lãi cho vay	27.875.120 -	168.410.716 150.047.977
Công ty Cổ phần An Đông Mia	Công ty con	Phải thu về HĐHTKD Lãi cho vay	- 13.298.713	514.788.889 3.557.774
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Lãi cho vay	19.817.934	110.437.457
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Công ty con	Lãi cho vay	105.348.711	119.884.238

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**27. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

**27.2 Số dư các khoản phải thu và phải trả (tiếp theo)**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
<b>Phải thu dài hạn khác (TM số 8) (tiếp theo)</b>				
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông Nghiệp Đại Thắng	Công ty con	Chi trả hộ	390.908.138	-
Công ty TNHH V&H Corporation (Lào)	Công ty con	Chi trả hộ	5.807.788	-
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Lãi cho vay	13.799.223	-
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Lãi cho vay	-	2.125.068
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Công ty con	Lãi cho vay	-	4.419.862
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Lãi cho vay	-	1.238.953
Các công ty khác	Bên liên quan	Các khoản khác	1.209.075	508.332
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>934.858.282</b>	<b>1.268.487.215</b>

(\*) Số dư chi tiết nhóm An Phú như sau:

Nhóm An Phú	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên quan	Lãi cho vay	284.377.903	119.081.682
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Lãi cho vay	3.066.667	28.650.129
Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	Công ty liên quan	Lãi cho vay	18.201.568	10.364.621
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Xây dựng Phúc Bảo Minh	Công ty liên quan	Lãi cho vay	15.419.444	12.905.556
Công ty Cổ phần Xây dựng Huỳnh Đệ	Công ty liên quan	Lãi cho vay	22.413.414	12.522.211
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Thanh Bình	Công ty liên quan	Lãi cho vay	13.314.584	9.543.750
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>356.793.580</b>	<b>193.067.949</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**27. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

**27.2 Số dư các khoản phải thu và phải trả (tiếp theo)**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
<b>Phải trả người bán ngắn hạn (TM số 15)</b>				
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mua hàng hóa và dịch vụ	-	15.558.037
Công ty Cổ phần Đầu tư Việt May	Công ty liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	3.156.482	-
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Mua hàng hóa	-	9.186.986
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Công ty con	Mua dịch vụ	-	624.575
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mua hàng hóa	-	1.046.163
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	383.332	2.150.768
Công ty TNHH MTV Nguyên vật liệu Hoàng Thơ	Công ty liên quan	Mua hàng hóa	9.328.145	9.328.145
Các công ty khác	Bên liên quan	Các khoản khác	525.354	335.940
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>13.393.313</b>	<b>38.230.614</b>
<b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn (TM số 16)</b>				
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên quan	Nhận ứng trước dịch vụ xây dựng	194.864.544	194.864.544
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Nhận ứng trước tiền mua hàng hóa	161.687	206.939
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Nhận ứng trước tiền mua hàng hóa	-	47.256.000
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Nhận ứng trước tiền mua hàng hóa	-	26.717.254
Công ty TNHH Hoàng Anh Andong Meas	Công ty con	Nhận ứng trước tiền mua hàng hóa	-	60.081.345
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Công ty con	Nhận ứng trước tiền mua hàng hóa	-	57.253.289
		Nhận ứng trước dịch vụ xây dựng	-	31.518.811
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Nhận ứng trước tiền mua hàng hóa	17.885	184.089

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**27. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

**27.2 Số dư các khoản phải thu và phải trả** (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
<b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn (TM số 16) (tiếp theo)</b>				
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Nhận ứng trước tiền mua hàng hóa	22.227.088	653.839
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty con	Nhận ứng trước tiền mua hàng hóa	-	4.832.882
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>217.271.204</b>	<b>423.568.992</b>
<b>Chi phí phải trả (TM số 18)</b>				
DHA	Công ty con	Lãi vay	7.710.365	4.037.797
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Lãi vay	-	11.386.457
			<b>7.710.365</b>	<b>15.424.254</b>
<b>Phải trả ngắn hạn khác (TM số 19)</b>				
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Công ty con	Thu hộ	11.786.059	11.786.059
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Thu hộ	-	121.278.142
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Thu hộ	2.695.085	2.105.085
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Thu hộ	13.396.900	13.396.900
Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane	Công ty con	Thu hộ	22.769.750	22.769.750
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Thu hộ	6.051.722	6.051.722
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Thu hộ	-	3.808.366
Công ty TNHH Điện Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Thu hộ	3.148.836	3.148.836

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**27. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

**27.2 Số dư các khoản phải thu và phải trả (tiếp theo)**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngân VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
<b>Phải trả ngắn hạn khác (TM số 19) (tiếp theo)</b>				
Công ty TNHH Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai - Kon Tum	Công ty con	Thu hộ	2.402.765	2.402.765
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Thu hộ	5.032.307	1.852.787
Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Vay mượn tạm Thu hộ	369.668.231 -	366.218.461 489.770
Công ty Cổ phần Bệnh viện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Thu hộ Vay mượn tạm	13.253.906 -	1.393.534 16.720.884
Công ty TNHH V&H Corporation (Lào)	Công ty con	Chi trả hộ	3.323.700	3.323.700
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Bên liên quan	Phải trả lãi vay	1.204.111	1.204.111
Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn Mê Kông	Công ty liên quan	Cho mượn tạm	-	6.450.000
Ông Dương Hoàng Bắc	Bên liên quan	Cho mượn tạm	-	1.700.000
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch	Phải trả HĐHTKD	310.000.000	240.000.000
Bà Dương Thanh Bích	Bên liên quan	Phải trả HĐHTKD	150.000.000	150.000.000
Bà Nguyễn Ngọc Mai	Bên liên quan	Phải trả HĐHTKD	140.000.000	140.000.000
Ông Nguyễn Thượng Trung	Bên liên quan	Phải trả HĐHTKD	137.000.000	137.000.000
Ông Thủy Ngọc Dũng	Bên liên quan	Phải trả HĐHTKD	135.000.000	135.000.000
Bà Nguyễn Thị Hồng Luyện	Bên liên quan	Phải trả HĐHTKD	115.000.000	115.000.000
Ông Trần Quang Dũng	Bên liên quan	Phải trả HĐHTKD	110.000.000	110.000.000
Bà Hồ Thị Kim Chi	Phó Tổng Giám đốc	Phải trả HĐHTKD	60.055.000	55.500.000
Bà Lê Thùy Dương	Bên liên quan	Phải trả HĐHTKD	50.000.000	50.000.000
Các công ty khác	Bên liên quan	Chi trả hộ	11.977.007	640.632
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>1.673.765.379</b>	<b>1.719.241.504</b>
<b>Phải trả dài hạn khác (TM số 19)</b>				
DHA	Công ty con	Chi trả hộ	198.388.722	-
Các công ty khác	Bên liên quan	Chi trả hộ	22.150.561	-
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>220.539.283</b>	<b>-</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**27. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

**27.3 Nợ phải thu nhóm An Phú**

Dưới đây trình bày khoản phải thu từ nhóm An Phú (trích từ TM số 27.2) như sau:

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Phải thu về cho vay dài hạn	6.393.549.943	3.599.259.475
Phải thu về cho vay ngắn hạn	435.705.726	412.622.883
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	63.615.502	61.457.875
Phải thu ngắn hạn khác	469.023.653	392.803.024
Phải thu dài hạn khác	356.793.580	193.067.949
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>7.718.688.404</u></b>	<b><u>4.659.211.206</u></b>

Tại ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, khoản phải thu của Công ty đối với nhóm An Phú như trên đã được bảo lãnh bởi tài sản riêng của Ông Chủ tịch HĐQT Công ty - Ông Đoàn Nguyên Đức và tài sản của một số công ty, cá nhân liên quan khác.

**27.4 Các giao dịch với các bên liên quan khác**

Lương, thưởng và thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Ban thư ký trong kỳ như sau:

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
Hội đồng Quản trị và Ban giám đốc		
Lương	5.592.600	3.769.781
Ban kiểm soát		
Lương	534.000	310.674
Ban thư ký		
Lương	220.692	68.953
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>6.347.292</u></b>	<b><u>4.149.408</u></b>

**28. CÁC CAM KẾT**

**Cam kết thuê hoạt động**

Công ty là bên thuê

Công ty thuê các lô đất tại Việt Nam để xây dựng nhà xưởng, khách sạn, trồng cây cao su và các loại cây khác. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty ước tính số tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai cho các lô đất thuê này theo các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Dưới 1 năm	1.301.822	1.301.822
Từ 1 đến 5 năm	5.207.288	5.207.288
Trên 5 năm	37.592.767	38.238.328
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>44.101.877</u></b>	<b><u>44.747.438</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**28. CÁC CAM KẾT (tiếp theo)**

***Cam kết thuê hoạt động*** (tiếp theo)

*Công ty là bên cho thuê*

Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Dưới 1 năm	1.223.795	1.586.264
Từ 1 đến 5 năm	92.727	3.305.700
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.316.522</b>	<b>4.891.964</b>

***Cam kết góp vốn đầu tư***

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty có các cam kết góp vốn vào các HĐHTKD liên quan đến các dự án chăn nuôi bò, trồng chăm sóc cây cao su và lĩnh vực điện như sau:

	Ngàn VND		
<i>Công ty</i>	<i>Giá trị theo hợp đồng</i>	<i>Giá trị đã ghi nhận</i>	<i>Giá trị cam kết còn lại</i>
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	650.000.000	468.970.000	181.030.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Sài Gòn	49.500.000	-	49.500.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>699.500.000</b>	<b>468.970.000</b>	<b>230.530.000</b>

**29. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

*Ký kết Thỏa thuận Hợp tác Đầu tư Chiến lược giữa Tập đoàn và Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải ("THACO")*

Vào ngày 3 tháng 8 năm 2018, Tập đoàn và THACO đã ký kết Thỏa thuận Hợp tác Đầu tư Chiến lược. Theo đó, một số nội dung chính thức đã được thông qua như sau:

- ▶ THACO cam kết hỗ trợ HAG và HNG trong việc cơ cấu các khoản nợ vay, và huy động vốn đầu tư chăm sóc diện tích trồng cây ăn trái đã có, phát triển mở rộng diện tích trồng cây ăn trái dự kiến trong hai (2) năm 2019 và năm 2020; và
- ▶ THACO cam kết đồng hành trong quá trình xây dựng HNG và các công ty con trở thành Tập đoàn nông nghiệp hùng mạnh, góp phần phát triển ngành nông nghiệp nói riêng và nền kinh tế xã hội của Việt Nam - Lào - Campuchia nói chung.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**29. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN** (tiếp theo)

*Phát hành 185.000.000 cổ phiếu*

Vào ngày 16 tháng 8 năm 2018, Đại Hội đồng Cổ đông của Công ty đã phê duyệt việc phát hành thêm 185.000.000 cổ phiếu với giá phát hành là 7.200 VND/cổ phiếu (mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu) cho các nhà đầu tư riêng rẽ, theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông có liên quan.

Ngoài các sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty.



Nguyễn Văn Tiên  
Người lập



Lê Trương Y Trâm  
Kế toán trưởng



Võ Trường Sơn  
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2018

